

GIÁO DỤC KHAI PHÓNG VÀ ĐÀO TẠO GIÁO VIÊN BẬC CAO HỌC TẠI VIỆT NAM: KIẾN TẠO BẢN SẮC HỌC THUẬT TRONG GIÁO DỤC ĐƯƠNG ĐẠI

Lê Xuân Mai, Phan Nhật Hào, Lê Hữu Lý, Phạm Xuân Bình
Khoa Ngoại ngữ, Đại học Cần Thơ

Tóm tắt: Giáo dục khai phóng (GDKP) hiện nay được xem như một nguyên lý định hình năng lực tư duy phản biện, kiến tạo bản sắc học thuật và tăng cường sự ổn định nghề nghiệp. Trong bối cảnh đổi mới giáo dục tại Việt Nam, nguyên lý này có ý nghĩa đặc biệt trong đào tạo sau đại học. Bài báo này đề xuất ba định hướng áp dụng nguyên lý GDKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học: phát triển năng lực nghiên cứu và tư duy độc lập ở học viên cao học; khẳng định vai trò dẫn dắt và truyền cảm hứng ở người giảng dạy; và kiến tạo hệ sinh thái học thuật sáng tạo tại cơ sở đào tạo. Những định hướng này góp phần nuôi dưỡng những thế hệ nhà giáo mới vững chuyên môn hơn, giàu liêm chính học thuật và trách nhiệm xã hội.

Từ khóa: Giáo dục khai phóng; giáo dục sau đại học; đào tạo giáo viên; năng lực nghiên cứu; bản sắc học thuật.

LIBERAL EDUCATION AND GRADUATE TEACHER EDUCATION IN VIETNAM: CONSTRUCTING ACADEMIC IDENTITY IN CONTEMPORARY EDUCATION

Le Xuan Mai, Phan Nhat Hao, Le Huu Ly, Pham Xuan Binh
Faculty of Foreign Languages, Can Tho University

Abstract: Liberal education is now conceptualized as a philosophy that cultivates critical thinking, constructs academic identity, and promotes career sustainability. Within Vietnam's ongoing educational reforms, liberal education holds particular significance for graduate education. This article proposes three directions for its application in Master's-level teacher training: fostering independent research competence and intellectual agency in graduate students; affirming the guiding and inspiring role of teacher educators; and building an academic ecosystem of creativity at the institutional level. These orientations endeavor to nurture new generations of teachers with stronger expertise, academic integrity, and social responsibility.

Keywords: liberal education; graduate education; teacher education; research competence; academic identity.

Nhận bài: 17/07/2025

Phản biện: 19/08/2025

Duyệt đăng: 23/08/2025

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, trong công cuộc phát triển đất nước, lĩnh vực giáo dục và đào tạo (GD-ĐT) luôn được xác định là động lực then chốt. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Đảng ta khẳng định, “phát triển GD-ĐT cùng với phát triển khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu; đầu tư cho GD-ĐT là đầu tư cho phát triển. Đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT theo nhu cầu phát triển của xã hội”. Khẳng định này được xem như một tầm nhìn chiến lược và nhìn nhận việc đầu tư cho ngành giáo dục là nền tảng của tiến bộ xã hội và là động lực nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh hội nhập toàn cầu sâu sắc.

Người Việt Nam, với tư cách là chủ thể sáng tạo của tri thức, văn hóa và các giá trị đạo đức, luôn giữ vị trí trung tâm trong mọi nỗ lực phát triển. Do đó, theo Nguyễn (2017), nâng cao chất lượng GD-ĐT đồng nghĩa với việc bồi dưỡng năng lực trí tuệ, phẩm chất đạo đức và khả năng thích ứng đối với những biến đổi “khôn lường” của thời đại. Đây chính là con đường hình thành một thế hệ công dân toàn cầu, vừa gắn bó với cộng đồng dân tộc, vừa hội nhập sâu rộng vào tri thức nhân loại (Trương, 2019). Trong quá trình cải cách giáo dục, nhiều nghiên cứu đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc kết hợp hài hòa giữa truyền thống

dân tộc Việt Nam và tinh hoa giáo dục quốc tế để kiến tạo một nền giáo dục giàu bản sắc cá nhân và sáng tạo (Hồ và cộng sự, 2023; Yanagida, 2025). Một trong những tiếp cận nổi bật và giàu giá trị trong giáo dục đương đại là nguyên lý giáo dục khai phóng (GPKP) (liberal education). Nguyên lý này khơi mở năng lực tư duy phản biện, sáng tạo, trách nhiệm xã hội và bản lĩnh học thuật. Đây là những phẩm chất cốt lõi của thế hệ trí thức trong thời đại mới, đặc biệt là đội ngũ thầy cô giáo. Trên cơ sở này, bài báo đề xuất một số gợi ý một số định hướng áp dụng GPKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam. Qua đó, bài báo mong muốn góp phần hình thành thế hệ nhà giáo vừa vững chuyên môn vừa giàu khát vọng nghiên cứu và gắn bó sâu sắc với cộng đồng học thuật.

II. NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

2.1. Khái lược về giáo dục khai phóng

Giáo dục khai phóng (GDKP) bắt nguồn từ truyền thống triết học - giáo dục Hy Lạp và La Mã cổ đại, được hệ thống hóa trong thời Trung cổ (Trương, 2019). Vào thế kỷ XIX, tại Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Wilhelm Humboldt đề xuất một nguyên lý kết hợp tinh thần nghiên cứu của đại học châu Âu với truyền thống tự do của đại học Mỹ, đó là trao quyền khai phóng (liberal empowerment).

Mô hình này đã trở thành bước ngoặt, mở ra một giai đoạn phát triển mới cho GDKP trong giáo dục đương đại. Theo Maurya (2024), nguyên lý này xem con người là “cứu cánh” (end) chứ không phải “phương tiện” (means). Giáo dục con người là hướng tới việc từng cá nhân được phát huy trọn vẹn năng lực bên trong để trở thành “một nhân cách” (personality) mang “cá tính riêng biệt” (individuality). Theo các triết gia, chính sự độc đáo ấy giúp con người trở thành chính mình với nhân cách không trùng lặp và không là cái bóng hoặc bản sao chép của bất kỳ cá thể khác.

Ngày nay, nguyên lý GDKP được hiểu như một triết lý giáo dục hướng tới những “con người tự do” (free individual). Họ là những cá nhân có khả năng tự học, tự phân tư và thích ứng với sự đa dạng, phức tạp và biến đổi toàn cầu. Theo Hiệp hội Các trường đại học và cao đẳng Hoa Kỳ (AAC&U), GDKP cung cấp nền tảng tri thức và “kỹ năng có khả năng chuyển đổi” (transferable skills), “tư duy phản biện” (critical thinking), “giá trị đạo đức” (moral values) và “trách nhiệm xã hội” (social responsibility). Trên thực tiễn, nguyên lý này kết hợp giữa chương trình tổng quát giúp người học tiếp cận đa lĩnh vực và chương trình chuyên sâu phát triển năng lực học thuật chuyên biệt. Đặc trưng của nguyên lý này là thúc đẩy “tính liên ngành” (interdisciplinarity), “phát triển toàn diện” (holistic development) và “định hướng công dân” (civic engagement) (Searight & Geiss, 2023). Hơn thế nữa, Trần và Đặng (2024) cho rằng các kinh nghiệm quốc tế khẳng định hiệu quả của GDKP dựa trên một số nguyên tắc cốt lõi như là đặt người học làm trung tâm, thúc đẩy hợp tác và đối thoại học thuật, khuyến khích sự chủ động trong học tập, bảo đảm phản hồi kịp thời, rèn luyện kỷ luật thời gian, trao quyền lựa chọn đa dạng, và tôn trọng sự khác biệt cá nhân. Những nguyên tắc này tạo nên một môi trường học thuật dân chủ, khơi mở và nhân văn, qua đó nuôi dưỡng bản lĩnh học giả cũng như năng lực hội nhập toàn cầu của người học (Phùng, 2023; Yanagida, 2025).

2.2. Giáo dục khai phóng trong đào tạo giáo viên bậc cao học

Trong kỷ nguyên chuyển đổi số, đào tạo giáo viên bậc cao học không còn dừng lại ở việc cung cấp tri thức nâng cao hay rèn luyện kỹ năng giảng dạy mà phải hướng tới việc hình thành những nhà giáo có “bản sắc học thuật” (academic identity) và

“năng lực thích ứng sáng tạo” (adaptive capacity). Đây chính là môi trường mà GDKP phát huy vai trò đặc biệt: mở rộng “biên giới tri thức” (knowledge boundaries), giải phóng “tiềm năng cá nhân” (individual potential) và khơi dậy trách nhiệm xã hội của từng người thầy (Phan và cộng sự, 2025).

GDKP giúp học viên cao học nhìn nhận nghề dạy học như một hành trình học tập suốt đời, mà nơi tri thức gắn liền với nhân cách và bản sắc của từng cá nhân. Thông qua tiếp cận liên ngành, người học được khuyến khích vượt ra ngoài khuôn khổ môn học để kết nối với các lĩnh vực khác như tâm lý học, xã hội học, công nghệ giáo dục hay chính sách công. Chính sự mở rộng này nuôi dưỡng “năng lực phân tích đa chiều” (multi-perspective analysis competence), đồng thời rèn luyện khả năng kiến tạo giải pháp sáng tạo cho những vấn đề giáo dục đương đại. Một điểm nổi bật khác là tinh thần “phản tư nghề nghiệp” (professional reflection). Thay vì chỉ áp dụng tri thức, học viên cao học được dẫn dắt để tự chiêm nghiệm và chất vấn chính trải nghiệm giảng dạy của mình: Tôi đang dạy để làm gì? Tôi đang phục vụ ai? Tôi cần thay đổi điều gì để học sinh của tôi phát triển trọn vẹn hơn? Những câu hỏi này làm nên “chiều sâu nhân văn” (humanistic dimension) và “sức sống bền vững” (sustainable vitality) của triết lý khai phóng.

Trong bối cảnh Việt Nam, đào tạo giáo viên sau đại học được tiến hành theo ba hướng chính, bao gồm (1) thạc sĩ giáo dục học, (2) thạc sĩ lý luận và phương pháp giảng dạy bộ môn và (3) thạc sĩ theo chương trình chuyển đổi nghiệp vụ sư phạm. Các chương trình này tập trung vào học phần lý luận, bao gồm giáo dục học, tâm lý học, phương pháp giảng dạy bộ môn, quản lý giáo dục và nghiên cứu khoa học sư phạm (Lê và cộng sự, 2025). Các chương trình này thường kéo dài 2 năm, kết hợp lý luận và thực hành, được quy định theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT. Ngoài ra, theo Thông tư 20/2018/TT-BGDĐT, yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đã nhấn mạnh vai trò của người giáo viên theo học các chương trình này đóng vai trò như một người tổ chức, hỗ trợ và truyền cảm hứng học tập cho học sinh. Đặt trong khung khai phóng, điều này không chỉ dừng lại ở việc nâng cao năng lực nghề nghiệp, mà còn khẳng định “giáo viên như một chủ thể học thuật độc lập” (independent teacher-researcher), có khả năng tự học, tự nghiên cứu và đồng hành cùng

cộng đồng giáo dục trong tiến trình đổi mới. Có thể cho rằng, nguyên lý GDKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam không đơn thuần là một định hướng đào tạo mà là một triết lý kiến tạo bản sắc bằng cách biến người thầy từ vai trò là “người truyền đạt” (knowledge transmitter) thành “người kiến tạo tri thức” (knowledge generator) và từ “người thực thi” (knowledge implementer) thành “người dẫn dắt đổi mới” (agent of change). Chính những điều này được kỳ vọng sẽ tạo ra một thế hệ giáo viên vừa vững chuyên môn, vừa giàu khát vọng học hỏi, sẵn sàng hội nhập toàn cầu mà vẫn giữ vững căn cước nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội trong chính nơi họ đang phục vụ.

2.3. Gợi ý áp dụng GDKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học tại Việt Nam

Việc tích hợp GDKP vào đào tạo giáo viên bậc cao học cần đặt trọng tâm ở phát triển năng lực nghiên cứu khoa học - một năng lực cốt lõi bảo đảm cho sự trưởng thành học thuật, đồng thời là động lực đổi mới giáo dục lâu dài. Để đạt được mục tiêu này, có thể triển khai trên ba phương diện: người học, người giảng dạy và cơ sở đào tạo.

Đối với người học, chương trình cao học cần đưa vào các học phần khai phóng như tư duy phản biện, đạo đức nghiên cứu, triết học giáo dục, phương pháp nghiên cứu liên ngành. Đây không chỉ là nền tảng tri thức mà còn là khung năng lực giúp học viên thiết kế đề tài, phân tích dữ liệu, viết báo cáo và công bố khoa học quốc tế. Người học nên được khuyến khích tham gia dự án liên ngành, hội thảo quốc gia và quốc tế, nhóm nghiên cứu hoặc các hoạt động cộng đồng học thuật. Chính sự trải nghiệm đa dạng này giúp học viên rèn luyện khả năng phản tư, phát triển tiếng nói học thuật độc lập, đồng thời xây dựng niềm tin vào giá trị phụng sự của nghề giáo.

Đối với người giảng dạy, GDKP cho họ vai trò dẫn dắt và đồng hành. Giảng viên cần vượt khỏi khuôn mẫu “người diễn giải” (knowledge explainer) để trở thành người đối thoại, đặt ra những vấn đề mở, khơi gợi tinh thần phản biện và thúc đẩy học viên khám phá. Trong bối cảnh nghiên cứu, họ không chỉ hỗ trợ học viên xây dựng khung lý thuyết, lựa chọn phương pháp, mà còn dạy cách đặt câu hỏi đúng, cách đọc và viết học thuật, cách tham gia tranh luận khoa học. Quan trọng hơn, giảng viên là tấm gương về liêm chính học thuật: trung thực trong nghiên cứu, công tâm

trong phản biện, nhân văn và đạo đức trong quan hệ thầy trò. Khi làm được điều đó, họ không chỉ tạo ra sản phẩm khoa học, mà còn tạo ra một thế hệ học viên cao học biết tôn trọng tri thức, biết dẫn thân nghiên cứu và nuôi dưỡng trách nhiệm với cộng đồng giáo dục.

Đối với cơ sở đào tạo, áp dụng GDKP nghĩa là xây dựng một hệ sinh thái học thuật nơi nghiên cứu và giảng dạy song hành. Cơ sở đào tạo có thể thiết lập trung tâm nghiên cứu, khuyến khích nhóm nghiên cứu liên ngành, tổ chức hội thảo thường kỳ và tạo điều kiện cho học viên trình bày kết quả. Bên cạnh đó, hợp tác quốc tế, kết nối với các viện nghiên cứu và trường đại học ngoài nước sẽ mở rộng không gian học thuật và tạo động lực hội nhập cho cả thầy và trò. Quan trọng hơn, cơ sở đào tạo cần khẳng định nguyên tắc tự do học thuật, tôn trọng đa dạng, khích lệ sáng tạo như những giá trị nền tảng. Sự bảo đảm này chuyển hóa nhà trường thành không gian rèn luyện mà học viên được tự tin thử nghiệm, giảng viên được khuyến khích đổi mới và cộng đồng khoa học được nuôi dưỡng trong tinh thần khai phóng.

Từ ba phương diện ấy, GDKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học trở thành một chiến lược toàn diện: giúp người học trưởng thành như một học giả độc lập, giúp người giảng dạy khẳng định vai trò truyền cảm hứng học thuật, và giúp cơ sở đào tạo định vị uy tín khoa học. Từ đó, năng lực nghiên cứu sẽ trở thành bản sắc nghề nghiệp làm nên một thế hệ nhà giáo vừa vững vàng chuyên môn, vừa giàu khát vọng đổi mới, vừa gắn bó sâu sắc với cộng đồng và xã hội.

III. KẾT LUẬN

GDKP trong đào tạo giáo viên bậc cao học hiện diện như một nguyên lý chiến lược để nâng tầm nghề giáo trong bối cảnh hội nhập tri thức toàn cầu. Từ những nền tảng mức độ cá nhân, cộng đồng học thuật và văn hóa xã hội, nguyên lý này định hình đào tạo sau đại học như một quá trình kiến tạo văn hóa và triết lý, trong đó người từng thầy được nuôi dưỡng bằng tri thức, được dẫn dắt bởi lý tưởng nhân văn và được truyền cảm hứng để phụng sự xã hội. Có thể cho rằng đây là hướng kiến tạo bền vững để giáo dục Việt Nam phát triển từng bước, đồng thời giữ gìn và làm giàu những giá trị tốt đẹp của truyền thống dân tộc trong giáo dục đương đại.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hồ, A. N., Nguyễn, C. G., & Trần, M. D. (2023). Developing the liberal education orientation in universities in Vietnam is associated with the process of international integration. *Journal of Social Sciences and Humanities*, 7(S1), S113-S121. <https://doi.org/https://doi.org/10.32508/stdjssh.v7iS1.935>
- Lê, X. M., Phan, N. T. V., Lê, C. T., Bùi, N. Q., & Trịnh, Q. L. (2025). Đào tạo giáo viên trình độ cao học ở Anh và Việt Nam: Hai bối cảnh, một mục tiêu phát triển nghề nghiệp. *Tâm Lý Giáo Dục*, 31(8), 146-149.
- Maurya, R. (2024). Enlightenment through liberal education: Values and attitudes. *Integral Research*, 1(4), 29-33. <https://integralresearch.in/index.php/1/article/view/26>
- Nguyễn, V. H. (2017). Triết lý giáo dục khai phóng của Wilhelm Humboldt và giá trị gợi mở cho việc đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. *Vietnam Journal of Social Sciences & Humanities*, 3(3).
- Phan, N. H., Trịnh, Q. L., & Lê, C. T. (2025). Factors hindering EFL Master's students' motivation in research engagement: A self-determination perspective. *Pakistan Journal of Life and Social Sciences*, 23(1), 1782-1795. <https://doi.org/10.57239/PJLSS-2025-23.1.00138>
- Phùng, T. V. (2023). Tiếp cận tư tưởng Giáo dục khai phóng trong Giáo dục thể chất cho sinh viên ngành Giáo dục mầm non tại Trường Cao đẳng Vĩnh Phúc. *Journal of Educational Equipment: Applied Research*, 2(299).
- Searight, H. R., & Geiss, P. G. (2023). Promoting liberal education through Introductory Psychology: The perspective-based approach. *Review of General Psychology*, 27(3), 260-274. <https://doi.org/10.1177/10892680221147910>
- Trần, T. P., & Đặng, Đ. T. (2024). Giáo dục khai phóng và một số gợi ý cho giáo dục đại học ở Việt Nam hiện nay. *Journal of Educational Equipment: Applied Research*, 2(319).
- Trương, T. T. N. (2019). Giáo dục khai phóng ứng dụng tại Việt Nam. *Journal of Science and Technology*, 2(3), 76-80. <https://doi.org/10.55401/r2pwqf37>
- Yanagida, K. (2025). In pursuit of knowledge: Liberal education as a public ideal of higher education. *Educational Philosophy and Theory*, 57(2), 128-137. <https://doi.org/10.1080/00131857.2024.2373773>